

## QUYẾT ĐỊNH

### Quy định quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14, Luật số 62/2020/QH14, Luật số 45/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 55/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 71/2025/QH15, Luật số 144/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định 39/2010/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 175/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 02/2025/TT-BXD, Thông tư số 09/2025/TT-BXD;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

### Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

## 1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 5 Điều 10; khoản 1, khoản 2 Điều 23 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Những nội dung không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và quy định của pháp luật hiện hành.

c) Khuyến khích áp dụng các quy định tại Quyết định này đối với khu vực ngoài đô thị.

## 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã); các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị.

### **Điều 2. Nguyên tắc quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật**

Việc quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật phải thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại Điều 3 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 3. Phân cấp chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ sở hữu các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn xã, phường bao gồm:

a) Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách địa phương;

b) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi hết thời hạn quản lý khai thác theo quy định.

2. Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có phạm vi trên địa bàn từ 02 (hai) đơn vị hành chính cấp xã trở lên (*không bao gồm công trình gắn liền với các tuyến đường do Sở Xây dựng quản lý theo quy định quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ*), Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho cơ quan, đơn vị là chủ sở hữu đối với từng trường hợp cụ thể.

### **Điều 4. Yêu cầu bố trí công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung**

1. Phải lựa chọn các hình thức bố trí công trình hạ tầng kỹ thuật phù hợp với từng loại đô thị và xu hướng phát triển lâu dài của đô thị.

2. Vị trí tương đối của các hạng mục công trình khi bố trí vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải đảm bảo kết nối tương thích và đồng bộ, không

ảnh hưởng lẫn nhau và đến sự an toàn trong quá trình quản lý, khai thác sử dụng của chính các công trình đó và các công trình khác có liên quan.

3. Việc đấu nối các công trình hạ tầng kỹ thuật với nhau và với các công trình khác trong đô thị phải đảm bảo thuận tiện, an toàn, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng có liên quan.

4. Đối với các khu đô thị mới, các tuyến đường xây dựng mới, thực hiện bố trí các đường dây, đường cáp nối hạ ngầm vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

5. Phối hợp chặt chẽ các yêu cầu về quốc phòng, an ninh; đồng thời, bảo đảm an toàn và bảo vệ công tác bí mật các công trình quốc phòng, an ninh.

### **Điều 5. Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong quy hoạch đô thị và nông thôn**

1. Trong công tác lập quy hoạch đô thị và nông thôn phải xác định rõ hướng tuyến, vị trí, quy mô, số lượng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 7 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Đối với các quy hoạch đô thị và nông thôn đã được phê duyệt hoặc khi lập dự án đầu tư nhưng chưa có công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, việc điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc thỏa thuận lập dự án phải tuân thủ quy định tại khoản 7 Điều 7 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

### **Điều 6. Quy định về khảo sát, thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung**

1. Công tác khảo sát phải thể hiện hiện trạng địa hình, địa chất, thủy văn và các công trình ngầm, nổi hiện có tại khu vực khảo sát và phải bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật về khảo sát được quy định trong các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật cho mỗi loại công trình, theo khoản 1 Điều 18, khoản 1 Điều 19 Nghị định số 39/2010/NĐ-CP về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

2. Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải tuân theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng và các quy phạm chuyên ngành đối với từng loại công trình và theo khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 19 Nghị định số 39/2010/NĐ-CP về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

3. Khi thiết kế đối với công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm sử dụng chung trên các tuyến đường, phố, các khu dân cư, khu đô thị xây dựng mới phải thực hiện theo quy hoạch chi tiết được duyệt.

4. Khi thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm sử dụng chung phải phù hợp với đặc điểm của từng tuyến đường, khu phố. Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung nằm trong phạm vi đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý đường bộ và các quy định khác có liên quan.

5. Khi thiết kế công trình tuy nện kỹ thuật, hào kỹ thuật, cống kỹ thuật, bể kỹ thuật, chủ đầu tư và đơn vị tư vấn thiết kế có trách nhiệm phối hợp, thỏa thuận với các đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm và các đơn vị quản lý đường dây, đường ống đi nổi nhằm bảo đảm yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và đáp ứng nhu cầu sử dụng không gian ngầm cho phát triển trong tương lai, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

### **Điều 7. Thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung**

Công tác thẩm định, phê duyệt các bước thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thực hiện theo quy định về quản lý hoạt động xây dựng và các quy định khác có liên quan.

### **Điều 8. Quy định về cấp phép xây dựng, cấp phép thi công công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung**

1. Trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng hoặc giấy phép thi công theo quy định của pháp luật chuyên ngành (*nếu thuộc trường hợp phải cấp giấy phép*), trừ trường hợp được miễn giấy phép theo quy định của pháp luật.

2. Việc cấp giấy phép xây dựng công trình thực hiện theo các quy định của pháp luật về xây dựng. Việc cấp giấy phép thi công các công trình nằm trên phần đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ thực hiện theo các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Các hoạt động liên quan đến đê điều phải thực hiện cấp giấy phép theo quy định của pháp luật về đê điều; các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phải có giấy phép theo quy định của pháp luật về thủy lợi.

### **Điều 9. Thi công công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung**

1. Nhà thầu thi công, xây lắp phải có biện pháp thi công bảo đảm an toàn cho hoạt động bình thường của các tuyến đường dây, đường cáp, đường ống, các công trình ngầm và các công trình khác cũng như bảo đảm an toàn giao thông, vệ sinh môi trường.

2. Nhà thầu thi công, xây lắp phải bảo đảm an toàn, chất lượng, tiến độ thi công công trình cũng như các quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

3. Chủ đầu tư và đơn vị thi công phải xây dựng kế hoạch, chuẩn bị sẵn sàng các phương án phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố có thể xảy ra trong quá trình thi công như: gặp tầng đất yếu, tầng chứa nước, khí độc, cháy nổ, sạt lở, trôi đất, bụi, vỡ công trình và các sự cố khác nhằm bảo đảm an toàn cho con người, phương tiện thi công và công trình theo quy định.

### **Điều 10. Nghiệm thu, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trước khi đưa vào sử dụng**

Trước khi đưa công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung vào khai thác sử dụng phải thực hiện công tác nghiệm thu, kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các quy định khác có liên quan.

### **Điều 11. Lưu trữ hồ sơ công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung**

Các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi xây dựng hoàn thành, chủ đầu tư, chủ sở hữu, đơn vị quản lý vận hành phải thực hiện lưu trữ hồ sơ thiết kế và hoàn công công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi đã tổ chức nghiệm thu và quyết toán theo các quy định của pháp luật về lưu trữ; có trách nhiệm bàn giao cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép xây dựng công trình 01 bộ hồ sơ hoàn thành công trình, cung cấp thông tin về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

### **Điều 12. Bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung**

1. Chủ sở hữu, chủ quản lý sử dụng và nhà thầu xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm thực hiện việc bảo trì các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Công trình hào và tuyen kỹ thuật phải thực hiện chế độ bảo trì thường xuyên và định kỳ; công trình đường dây, đường cáp, đường ống phải thực hiện chế độ bảo trì định kỳ theo quy định của từng chuyên ngành.

3. Khi thực hiện công tác bảo trì, phải chú ý kiểm tra nghiêm ngặt hệ thống đấu nối công trình; các thiết bị kiểm soát thông gió, chiếu sáng, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường (nếu có).

### **Điều 13. Nguyên tắc cải tạo, di chuyển, sắp xếp, hạ ngầm đường ống, đường dây, đường cáp đi nổi**

1. Việc cải tạo, di chuyển, sắp xếp và hạ ngầm các đường ống, đường dây, cáp nổi trên đường phố phải tuân thủ quy hoạch xây dựng đô thị và quy hoạch chuyên ngành; phù hợp kế hoạch hạ ngầm và hồ sơ thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo sự kết nối với hệ thống đường ống, đường dây, đường cáp chung của đô thị; đảm bảo yêu cầu về an toàn kỹ thuật, quản lý vận hành và mỹ quan đô thị.

2. Khi thực hiện cải tạo, sắp xếp, hạ ngầm các đường ống, đường dây, đường cáp đi nổi phải gắn thẻ nhựa hoặc biển nhựa ghi tên của đơn vị quản lý đường dây, đường cáp ở vị trí dễ nhận biết để thuận tiện cho việc quản lý, vận hành.

### **Điều 14. Tổ chức cải tạo, di chuyển, sắp xếp, hạ ngầm đường ống, đường dây, đường cáp đi nổi**

1. Chủ sở hữu, cơ quan được giao quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung căn cứ quy hoạch, kế hoạch phát triển hệ thống đường bộ và công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức khảo sát, tổng hợp, xây dựng kế hoạch hạ ngầm đường dây, đường cáp đi nổi; đề xuất phương án cải tạo, di

chuyển, sắp xếp vào các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

2. Các tổ chức, cá nhân sở hữu, quản lý, khai thác hoặc sử dụng đường ống, đường dây, đường cáp đi nổi trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm căn cứ quy hoạch được phê duyệt để xây dựng kế hoạch đầu tư cải tạo, ngầm hóa công trình; đồng thời phối hợp, tham gia và đóng góp kinh phí thực hiện việc hạ ngầm, chỉnh trang hệ thống đường dây, đường cáp thuộc phạm vi quản lý theo quy hoạch và kế hoạch chung của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chủ đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm phối hợp với chủ sở hữu hệ thống đường ống, đường dây, đường cáp đi nổi tổ chức thu hồi, tháo dỡ các cột, đường dây, đường cáp không còn sử dụng theo quy định.

### **Điều 15. Các quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung**

Thực hiện đúng quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào các công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

### **Điều 16. Cơ sở dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung**

1. Dữ liệu về quy hoạch xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung bao gồm các đồ án quy hoạch xây dựng hoặc các đồ án quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Dữ liệu về hiện trạng các công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm các loại bản vẽ hiện trạng và bản vẽ hoàn công xây dựng của hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được lập cho một khu vực của đô thị hoặc toàn đô thị trong đó thể hiện loại công trình, quy mô, vị trí, kích thước và hệ thống đấu nối kỹ thuật của các công trình.

3. Các dữ liệu có liên quan về quản lý xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung:

a) Thông tin về cấp và loại công trình, quy mô và tính chất công trình, thời gian hoàn thành công trình và tình trạng sử dụng;

b) Thông tin về tên, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của chủ sở hữu công trình;

c) Thông tin về tên, địa chỉ và điện thoại liên hệ các đơn vị quản lý, vận hành và đơn vị sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

4. Cơ sở dữ liệu về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung do các tổ chức, cá nhân cung cấp cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu (Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã) bao gồm: hồ sơ thuyết minh, bản vẽ hoàn công; dữ liệu về trang thiết bị kỹ thuật; thông tin về tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác, sử dụng công trình và các thông tin có liên quan khác theo quy định.

### **Điều 17. Phương pháp xác định giá, cơ chế và nguyên tắc kiểm soát giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung**

Việc thực hiện xác định giá, cơ chế và nguyên tắc kiểm soát giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, chi phí quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thực hiện theo Điều 18 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

### **Điều 18. Hợp đồng sử dụng chung, hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung**

Hợp đồng sử dụng chung, hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thực hiện theo Nghị định số 72/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và Thông tư số 03/2013/TT-BXD ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 19. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành**

##### **1. Sở Xây dựng**

a) Thực hiện quản lý nhà nước về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện cấp giấy phép thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

c) Chủ trì tổng hợp, quản lý, lưu trữ cơ sở dữ liệu; cung cấp thông tin về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; thực hiện chế độ báo cáo tình hình quản lý, sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định;

d) Hướng dẫn, kiểm tra, xử lý và đề nghị xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp vi phạm về quản lý, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh theo quy định;

đ) Tiếp nhận thông tin phản ánh về các trường hợp xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không đúng quy định, không đảm bảo an toàn; các sự cố về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để kịp thời phối hợp với các đơn vị có liên quan khắc phục và xử lý theo quy định;

e) Cung cấp thông tin về hiện trạng, quy hoạch, lộ giới, hành lang an toàn đường bộ và các tài liệu có liên quan khác do đơn vị mình quản lý cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm căn cứ cho việc lập, thỏa thuận và cấp phép xây dựng theo quy định.

##### **2. Sở Khoa học và Công nghệ**

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra việc tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam liên quan đến lĩnh vực Bưu chính Viễn thông của các đơn vị thi công, xây dựng hệ thống công trình đường dây, đường cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình thực hiện đúng các quy định về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh.

### 3. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra việc tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành điện lực của các đơn vị quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống các công trình đường dây tải điện trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn công ty điện lực và các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác hệ thống cột điện lực cho doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung cột điện lực để lắp đặt cáp, dây thuê bao và các thiết bị viễn thông.

### 4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ngành liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch phân bổ vốn để xây dựng mới công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; kinh phí cải tạo, sắp xếp lại các công trình đường dây, cáp và đường ống vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

### 5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Xem xét thỏa thuận đầu nối công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với hệ thống công trình thủy lợi do Sở quản lý; xem xét, đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định;

b) Khi triển khai cải tạo, nâng cấp các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, phải thông báo và phối hợp với các tổ chức, đơn vị có công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung nằm trong phạm vi ảnh hưởng để thực hiện việc di dời, đảm bảo đồng bộ và an toàn.

### 6. Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 70/2023/NĐ-CP, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

b) Tổng hợp, định kỳ báo cáo Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh về hiện trạng và tình hình quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi quản lý.

## **Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Lập kế hoạch hàng năm về thu thập, điều tra khảo sát, xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn, cung cấp dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho các tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

2. Cung cấp thông tin và các tài liệu có liên quan đến hiện trạng, quy hoạch, lộ giới, hành lang an toàn đường bộ do đơn vị mình quản lý cho các tổ chức, cá

nhân có nhu cầu làm căn cứ cho việc lập, thỏa thuận và cấp phép xây dựng theo quy định.

3. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, phối hợp kiểm tra các hoạt động xây dựng, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn mình quản lý.

4. Đề xuất và bố trí kinh phí đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm sử dụng chung và cải tạo, sắp xếp các đường dây đi nổi trong địa giới hành chính quản lý.

5. Thỏa thuận, cấp phép, gia hạn và thu hồi giấy phép xây dựng, giấy phép thi công công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định.

6. Phối hợp với các sở, ngành liên quan lập danh mục các tuyến đường trong các đô thị cần phải xây dựng, sửa chữa, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

7. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan đề xuất danh mục đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và lộ trình các tuyến đường phải ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật đi nổi.

8. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan đề xuất phương án xã hội hóa và việc dùng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật của các đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng.

9. Tổ chức kiểm tra, tổng hợp, báo cáo định kỳ cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng về hiện trạng và tình hình quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn mình quản lý.

### **Điều 21. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân**

1. Tổ chức, cá nhân khi xây dựng, lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước về quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; phải được cấp có thẩm quyền cấp phép và phải thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép, trừ trường hợp được miễn giấy phép theo Luật Xây dựng.

2. Chủ đầu tư các khu đô thị mới, khu nhà ở, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh khi tổ chức lập quy hoạch, thiết kế và thi công xây dựng phải thực hiện việc bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo Quyết định này và các quy định liên quan khác, gắn kết đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật của các khu vực lân cận theo hướng hiện đại, phát triển lâu dài và đảm bảo mỹ quan.

3. Chủ đầu tư, chủ sở hữu các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi đưa vào khai thác sử dụng, phải thực hiện quản lý, bảo trì các công trình theo quy định, đảm bảo an toàn khi vận hành, mỹ quan và vệ sinh môi trường.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ sở hữu, đơn vị quản lý vận hành và tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật được quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 của Nghị định số 72/2012/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

## **Điều 22. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2026.
2. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành quy định quản lý, sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
3. Bãi bỏ số thứ tự 57 Mục V Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
5. Quy định chuyên tiếp: Các cơ quan, đơn vị đang là chủ sở hữu hoặc được giao, ủy quyền là chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện cho đến khi có văn bản điều chỉnh của cấp có thẩm quyền.
6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND xã, phường;
- Như Điều 22;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, QHĐTXD<sub>(QĐ)</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Tuấn**

